

Bản án số: 27/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 24/5/2024

*“V/v ly hôn, con chung,  
vay nợ chung”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MH, TỈNH QB**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông N.M.T

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: T.N.N

Ông: Đ.M.T

**- Thư ký phiên tòa:** ông C.L.B – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:**  
Ông P.Q.P

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2023/TLST - HNGĐ ngày 07/11/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* chị CTTB, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Tân Lợi, xã Yên Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình,  
*có mặt;*

*2. Bị đơn:* Anh ĐMT, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Tân Lợi, xã Yên Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình,  
*vắng mặt.*

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Minh Hóa, Bắc Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: ông TXH- Phó giám đốc

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình,  
*có mặt;*

- Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình  
Người đại diện theo ủy quyền: ông NTT – Phó giám đốc  
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình,  
*vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 28/10/2023 của nguyên đơn CTTB trình bày giữa chị và anh ĐMT đã đăng ký kết hôn ngày 11/9/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị Bình làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu ĐPH, sinh ngày 07/01/2002 đã trên 18 tuổi và lập gia đình, cháu ĐCD, sinh ngày 28/3/2012. Nếu ly hôn chị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận

Khoản vay chung: Vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hóa số tiền 161.500.000 đồng. Chị B nhận trách nhiệm trả khoản vay này.

Vay ngân hàng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền 110.000.000 đồng. Anh T nhận trách nhiệm trả khoản vay này.

Tại các phiên hòa giải anh ĐMT trình bày anh không nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ.

Con chung: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu ĐPH, sinh ngày 07/01/2002 đã trên 18 tuổi và lập gia đình, cháu ĐCD, sinh ngày 28/3/2012. Nếu ly hôn thì giao cho chị B nuôi dưỡng cháu và anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận

Khoản vay chung: Vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hóa số tiền 161.500.000 đồng. Chị B nhận trách nhiệm trả khoản vay này.

Vay ngân hàng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền 110.000.000 đồng. Anh T nhận trách nhiệm trả khoản vay này.

Ý kiến của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Minh Hóa, Bắc Quảng Bình: Chị CTB và anh ĐMT vay vốn tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hóa số tiền nợ gốc còn lại tính

đến ngày 08/3/2024 là 161.500.000 đồng. Nếu chị B và anh T ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị B và anh T có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cả gốc và lãi theo quy định.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và tại bản tự khai đại diện ngân hàng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa trình bày: Chị CTTB và anh ĐMT vay vốn tại ngân hàng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền 110.000.000 đồng và lãi phát sinh. Nếu chị B và anh T ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị B và anh T có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cả gốc và lãi theo quy định, hoặc bên nào được giao tài sản thì giao trách nhiệm trả nợ cho bên đó để đảm bảo việc thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên, Thẩm phán và thư ký giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Đại diện Viện kiểm sát đưa ra quan điểm xét xử như sau: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình: Đề nghị xét xử cho chị CTTB ly hôn anh ĐMT.

Về con chung: Giao cháu ĐCD, sinh ngày 28/3/2012 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không xem xét

Khoản vay chung: Giao cho chị B có trách nhiệm trả khoản vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hóa số tiền 161.500.000 đồng và lãi phát sinh

Giao cho anh T có trách nhiệm trả khoản vay ngân hàng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền 110.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành hòa giải nhiều lần, phân tích những mâu thuẫn của vợ chồng để mỗi bên tự khắc phục sửa chữa cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay chị Bình một mực xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2] Chị CTTB và anh ĐMT đã đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của chị B là hoàn toàn chính đáng vì đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị CTTB ly hôn anh ĐMT.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị B, anh T và cháu D, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho chị CTTB trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu ĐCD, sinh ngày 28/3/2012. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 05/2024 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không xem xét

[5] Về khoản vay chung: căn cứ điều 33, 37 luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thỏa thuận của chị B và anh T:

Giao cho chị CTTB có trách nhiệm trả khoản vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hóa số tiền 161.500.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng 3806-LAV-202300334 ngày 04/4/2023.

Giao cho anh ĐMT có trách nhiệm trả khoản vay ngân hàng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền 110.000.000 đồng và lãi phát sinh gồm hai khoản vay: Số tiền 90.000.000 đồng vay vốn chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo khế ước số 6600000716932360 vay ngày 12/01/2020 và số tiền 20.000.000 đồng vay vốn chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn khế ước số 6600000721131994 vay ngày 12/8/2021.

[6] Án phí:

Về án phí: Chị CTTB phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Anh ĐMT phải chịu án phí cấp dưỡng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị CTTB ly hôn anh ĐMT

2. Về con chung: Áp dụng khoản 2 điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho CTTB trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu ĐCD, sinh ngày 28/3/2012. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 05/2024 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về vay nợ chung: căn cứ điều 33, 37 luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thoả thuận của chị CTTB và anh ĐMT:

Giao cho chị CTTB có nghĩa vụ trả khoản vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hóa số tiền 161.500.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng 3806-LAV-202300334 ngày 04/4/2023.

Giao cho anh ĐMT có nghĩa vụ trả khoản vay ngân hàng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền 110.000.000 đồng và lãi phát sinh gồm hai khoản vay: Số tiền 90.000.000 đồng vay vốn chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo khế ước số 6600000716932360 vay ngày 12/01/2020 và số tiền 20.000.000 đồng vay vốn chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn khế ước số 6600000721131994 vay ngày 12/8/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Chị CTTB phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000848 ngày 07/11/2023 tại chi cục thi hành án dân sự nay được khấu trừ.

Anh ĐMT phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuyên bố nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/5/2024), bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Người có quyền lợi và NVLQ;
- UBND TT Quy Đạt;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:**

**Nguyễn Minh Toàn**